

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học đợt 1 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-SDH ngày 04 tháng 11 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh và biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 270 thí sinh trúng tuyển cao học đợt 1 năm 2022 của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM (Danh sách học viên kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng các quyền lợi theo quy chế đào tạo Sau đại học đã ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Đào tạo Sau đại học, Ban Chủ nhiệm các Khoa/Bộ môn có đào tạo Sau đại học và các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch Tài chính;
- Lưu HC, ĐT.SDH.

Q. HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC
ĐỢT 1 NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo quyết định số 2704/QĐ-ĐHNL-SDH ngày 08 tháng 8 năm 2022)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Hạ	12-05-1998	Quảng Ngãi	Bảo vệ thực vật	
2	Nguyễn Thị Thanh Loan	02-02-1988	Lâm Đồng	Bảo vệ thực vật	
3	Lê Hữu Lợi	22-02-1987	TP. Hồ Chí Minh	Bảo vệ thực vật	
4	Ngô Văn Ngợi	03-11-1996	Đồng Tháp	Bảo vệ thực vật	
5	Lê Phú Xuyên	06-10-1996	Tây Ninh	Bảo vệ thực vật	
6	Vương Thị Kim Cúc	07-07-1992	Bình Định	Chăn nuôi	
7	Nguyễn Thị Kiều Duyên	26-06-1996	Phú Yên	Chăn nuôi	
8	Trần Thị Hòa	10-11-1996	Bình Định	Chăn nuôi	
9	Lê Nguyễn Xuân Hương	10-05-1994	Vĩnh Long	Chăn nuôi	
10	Đồng Thị Trang	15-06-1995	Thanh Hoá	Chăn nuôi	
11	Trần Thị Mộng Triều	08-10-1996	Bình Định	Chăn nuôi	
12	Tổng Thị Xuân Hương	16-02-1996	Đồng Nai	Công nghệ Sinh học	
13	Nguyễn Anh Khoa	31-08-1997	Tiền Giang	Công nghệ Sinh học	
14	Nguyễn Anh Khoa	25-02-1984	Gia Lai	Công nghệ Sinh học	
15	Phan Quốc Long	19-11-1995	Tiền Giang	Công nghệ Sinh học	
16	Phan Võ Quỳnh Như	30-10-1994	Long An	Công nghệ Sinh học	
17	Phạm Phương Thảo	08-10-1997	Đắk Lắk	Công nghệ Sinh học	
18	Phan Thị Phương Thảo	14-04-1998	Quảng Trị	Công nghệ Sinh học	
19	Ngô Thị Thanh Tuyền	21-11-1992	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Sinh học	
20	Đặng Huỳnh Thúy Vy	06-02-1999	Tiền Giang	Công nghệ Sinh học	
21	Vũ Văn Đạt	13-04-1991	Hà Nội	Công nghệ Thực phẩm	
22	Trần Đỗ Kim Huệ	04-08-1993	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Thực phẩm	
23	Chu Nhật Khánh	25-03-1994	Trà Vinh	Công nghệ Thực phẩm	
24	Vũ Đức Ngọc	04-10-1999	Thanh Hoá	Công nghệ Thực phẩm	
25	Nguyễn Thanh Sang	10-02-1995	Long An	Công nghệ Thực phẩm	
26	Nguyễn Thị Kiều Liên	22-01-1993	Quảng Ngãi	Khoa học Cây trồng	
27	Trần Ngọc Nghĩa	24-02-1993	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
28	Nguyễn Bá Nguyên	17-05-1999	Đắk Lắk	Khoa học Cây trồng	
29	Trần Vĩnh Phát	20-07-1996	Lâm Đồng	Khoa học Cây trồng	
30	Phan Tấn Thành	12-12-1974	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
31	Nguyễn Thị Thái Thảo	07-06-1999	Bình Thuận	Khoa học Cây trồng	
32	Trần Thị Thảo	07-02-1985	Hà Tĩnh	Khoa học Cây trồng	
33	Trần Huỳnh Tiến	09-09-1990	Long An	Khoa học Cây trồng	
34	Võ Thị Kim Trâm	26-01-1996	Ninh Thuận	Khoa học Cây trồng	
35	Đỗ Thị Mộng Trâm	23-01-1995	Bình Định	Khoa học Cây trồng	
36	Lê Hồng Tú	12-08-1997	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học Cây trồng	
37	Nguyễn Mạnh Tuấn	16-11-1988	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học Cây trồng	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
38	Trần Nam	Tuấn	24-10-1988	Lâm Đồng	Khoa học Cây trồng	
39	Trương Minh	Tường	20-11-1989	Tiền Giang	Khoa học Cây trồng	
40	Phan Tiến	Vinh	22-04-1999	TP. Hồ Chí Minh	Khoa học Cây trồng	
41	Phương Thị Thu	Hà	16-11-1988	TP. Hồ Chí Minh	Kinh tế Nông nghiệp	
42	Lê Phi	Hùng	30-12-1981	An Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
43	Nguyễn Văn	Kiên	10-06-1987	Quảng Nam	Kinh tế Nông nghiệp	
44	Huỳnh Thị	Kmarammarítma	30-11-1992	Long An	Kinh tế Nông nghiệp	
45	Ngô Văn	Lâm	16-12-1986	Kiên Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
46	Lê Tấn	Nuôi	08-10-1976	An Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
47	Trần Quốc	Thiện	30-11-1982	An Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
48	Huỳnh Văn	Tính	25-12-1977	An Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
49	Thái Thị Ánh	Tuyết	07-09-1979	Tiền Giang	Kinh tế Nông nghiệp	
50	Nguyễn Hữu	Mạnh	23-10-1998	Bà Rịa-Vũng Tàu	KT Chế biến lâm sản	
51	Nguyễn Trường	Giang	28-07-1998	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật Cơ khí	
52	Nguyễn Phúc	Hải	30-08-1999	Bến Tre	Kỹ thuật Cơ khí	
53	Hồng Cẩm	Huy	11-04-1999	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật Cơ khí	
54	Trần Văn	Khởi	22-05-1997	Đồng Tháp	Kỹ thuật Cơ khí	
55	Đặng Thị Trúc	Linh	30-10-1992	Bình Định	Kỹ thuật Cơ khí	
56	Trương Văn	Phúc	22-03-1997	Bình Định	Kỹ thuật Cơ khí	
57	Trần Thị Phương	Thảo	19-06-1996	Kiên Giang	Kỹ thuật Hóa học	
58	Trần Thị Cẩm	Tiên	12-10-1993	TP. Hồ Chí Minh	Kỹ thuật Hóa học	
59	Ngô Văn	Bắc	22-09-1998	Lâm Đồng	Lâm học	
60	Hầu Văn	Bằng	14-03-1997	Đồng Nai	Lâm học	
61	Đào Văn	Cần	05-07-1985	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
62	Phan Xuân	Chung	10-04-1993	Hà Tĩnh	Lâm học	
63	Nguyễn Thị Quý	Cơ	25-08-1982	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
64	Trần Văn	Công	28-01-1995	Đắk Lắk	Lâm học	
65	Nguyễn Chí	Cường	08-11-1980	Bắc Ninh	Lâm học	
66	Phạm Chí	Cường	15-11-1980	Tiền Giang	Lâm học	
67	Trần	Duẩn	15-12-1983	Thanh Hoá	Lâm học	
68	Võ Đức	Hải	11-06-1996	Long An	Lâm học	
69	Nguyễn Trung	Hiền	03-01-1978	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
70	Đặng Ngọc	Hiệp	28-11-1993	Vĩnh Long	Lâm học	
71	Đoàn Thanh	Hiệp	26-03-1998	Bình Định	Lâm học	
72	Huỳnh Đức	Hiếu	18-07-1998	Phú Yên	Lâm học	
73	Võ Sỹ	Hùng	22-07-1997	Quảng Bình	Lâm học	
74	Hồ Nguyên	Khang	30-10-1997	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
75	Lê Bảo	Lâm	18-10-1987	Lâm Đồng	Lâm học	
76	Phạm Thành	Lâm	06-09-1995	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
77	Đậu Thị Tuyết	Mai	06-09-1988	Tiền Giang	Lâm học	
78	Phan Thanh	Min	17-09-1995	Cà Mau	Lâm học	
79	Thái Trung	Nghĩa	15-03-1992	Ninh Thuận	Lâm học	
80	Nguyễn Chí	Nguyện	10-10-1988	Cần Thơ	Lâm học	
81	Phạm Thị Kim	Oanh	16-02-1985	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
82	Lê Thị Phương	Quyên	17-11-1993	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
83	Vũ Kim	Sáng	24-04-1988	Thanh Hoá	Lâm học	
84	Phạm Vũ	Tài	02-10-1994	Bình Định	Lâm học	
85	Nguyễn Đình	Thắng	23-12-1990	Bình Thuận	Lâm học	
86	Nguyễn Minh	Thành	12-07-1995	Bến Tre	Lâm học	
87	Trương Thị Ngọc	THào	09-08-1991	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
88	Phạm Văn	Thu	14-02-1980	Bình Định	Lâm học	
89	Huỳnh Bảo	Thuận	23-05-1998	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
90	Trần Văn	Tiến	09-09-1985	Nam Định	Lâm học	
91	Nguyễn	Tịnh	05-11-1997	Quảng Nam	Lâm học	
92	Phan Tấn	Toàn	25-06-1995	Phú Yên	Lâm học	
93	Lê Quốc	Trí	19-05-1989	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
94	Nguyễn Thanh	Triệu	22-07-1996	Ninh Thuận	Lâm học	
95	Đinh Duy	Tuấn	08-06-1996	Lâm Đồng	Lâm học	
96	Huỳnh Kim	Tự	05-09-1991	Thừa Thiên -Huế	Lâm học	
97	Lê Văn Châu	Út	18-05-1981	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
98	Vương Hồng	Vân	14-10-1984	Bạc Liêu	Lâm học	
99	Lê Minh	Xuân	18-01-1998	Phú Yên	Lâm học	
100	Nguyễn Ngọc	Lợi	05-05-1999	TP. Hồ Chí Minh	Nuôi trồng Thủy sản	
101	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	30-11-1990	Tiền Giang	Nuôi trồng Thủy sản	
102	Huỳnh Công	Trứ	29-01-1999	Bạc Liêu	Nuôi trồng Thủy sản	
103	Phan Lê Trường	Đạt	29-07-1997	Ninh Thuận	QL Tài nguyên & Môi trường	
104	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	01-11-1992	Bình Thuận	QL Tài nguyên & Môi trường	
105	Trịnh Vũ	Nam	31-10-1993	Đồng Nai	QL Tài nguyên & Môi trường	
106	Trương Dân	Nam	21-05-1995	TP. Hồ Chí Minh	QL Tài nguyên & Môi trường	
107	Nguyễn Trần	Nguyên	30-12-1974	Tuyên Quang	QL Tài nguyên & Môi trường	
108	Phạm Mỹ	Nguyên	07-10-2099	Đồng Tháp	QL Tài nguyên & Môi trường	
109	Nguyễn Văn	Quân	05-02-1996	Tây Ninh	QL Tài nguyên & Môi trường	
110	Phan Thị Xuân	Trang	25-11-1979	Quảng Ngãi	QL Tài nguyên & Môi trường	
111	Phạm Quốc	Việt	25-08-1987	Bạc Liêu	QL Tài nguyên & Môi trường	
112	Nguyễn Thị Vân	Anh	26-11-1988	Bình Phước	Quản lý đất đai	
113	Trần Đình	Bảo	10-07-1987	Bình Phước	Quản lý đất đai	
114	Lê Thành	Đông	18-10-1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
115	Lê Minh	Đức	26-06-1977	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
116	Hà Thị Kim	Dung	20-02-1986	Bình Phước	Quản lý đất đai	
117	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	06-03-1992	Bình Phước	Quản lý đất đai	
118	Võ Văn	Dũng	30-04-1996	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai	
119	Huỳnh Ngọc	Hải	10-02-1992	Long An	Quản lý đất đai	
120	Phan Bùi Thanh	Hải	31-01-1992	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
121	Phạm Ngọc	Hiển	10-12-1988	Đồng Tháp	Quản lý đất đai	
122	Ngô Hữu	Hòa	18-01-1985	Bình Dương	Quản lý đất đai	
123	Hà Minh	Hưng	16-02-1988	Bình Phước	Quản lý đất đai	
124	Nguyễn Hoàng	Hưng	05-01-1995	Khánh Hoà	Quản lý đất đai	
125	Phạm Thị Thu	Hương	05-11-1983	Thái Bình	Quản lý đất đai	
126	Nguyễn An	Huy	23-05-1979	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
127	Phạm Hoàng	Huy	25-04-1995	Ninh Bình	Quản lý đất đai	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
128	Nguyễn Xuân	Kha	07-02-1982	Hà Nội	Quản lý đất đai	
129	Lữ Bội	Liên	01-01-1978	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý đất đai	
130	Trịnh Thị	Liên	19-04-1987	Thanh Hoá	Quản lý đất đai	
131	Phan Vũ	Linh	01-01-1992	Đồng Tháp	Quản lý đất đai	
132	Đinh Thành	Lộc	10-05-1995	Vĩnh Long	Quản lý đất đai	
133	Tô Thị Ngọc	Nga	26-02-1982	Bình Phước	Quản lý đất đai	
134	Phan Kim	Ngân	12-05-1990	Bình Phước	Quản lý đất đai	
135	Phạm Văn	Ngọc	10-11-1978	Kon Tum	Quản lý đất đai	
136	Lê Thị Như	Ngọc	13-06-1995	Bình Thuận	Quản lý đất đai	
137	Văn Hồng Bảo	Ngọc	17-03-1997	Bình Phước	Quản lý đất đai	
138	Trần Thị Yến	Nhi	15-05-1997	Long An	Quản lý đất đai	
139	Trần Tấn	Phát	20-08-1980	Bạc Liêu	Quản lý đất đai	
140	Lê Thị Kim	Phụng	15-10-1989	Đồng Nai	Quản lý đất đai	
141	Nguyễn Minh	Phước	24-06-1991	Long An	Quản lý đất đai	
142	Trần Trọng	Phước	15-01-1983	Bình Dương	Quản lý đất đai	
143	Trương Hồng	Phương	10-10-1995	Tây Ninh	Quản lý đất đai	
144	Nguyễn Trọng	Quý	24-12-1996	Đồng Tháp	Quản lý đất đai	
145	Phan Đình	Thắng	05-07-1998	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai	
146	Bùi Châu	Thanh	08-12-1991	Long An	Quản lý đất đai	
147	Chu Kim	Thành	25-12-1991	Bình Phước	Quản lý đất đai	
148	Trần Thị Phương	Thảo	20-02-1998	Bình Phước	Quản lý đất đai	
149	Nguyễn Thanh	Thoại	30-12-1989	Đồng Tháp	Quản lý đất đai	
150	Phạm Thị	Thu	26-09-1998	Thái Bình	Quản lý đất đai	
151	Lê Thị Thanh	Thúy	07-04-1986	Bình Phước	Quản lý đất đai	
152	Nguyễn Thành	Trung	16-02-1991	Bình Phước	Quản lý đất đai	
153	Lê Hoàng	Tùng	28-05-1982	Bình Phước	Quản lý đất đai	
154	Trần Thị Cẩm	Vân	15-07-1994	Tây Ninh	Quản lý đất đai	
155	Nguyễn Trọng	Vinh	19-06-1994	Bà Rịa-Vũng Tàu	Quản lý đất đai	
156	Nguyễn Hoàng	Vũ	24-12-1984	Cà Mau	Quản lý đất đai	
157	Nguyễn Tấn	An	21-07-1995	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
158	Nguyễn Trường	An	15-11-1985	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
159	Phạm Đức	Anh	10-12-1992	Thanh Hoá	Quản lý Kinh tế	
160	Lý Nguyệt	Bình	18-03-1985	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
161	Trần Minh	Cảnh	30-09-1970	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
162	Nguyễn Thị Hiền	Chi	17-01-1983	Gia Lai	Quản lý Kinh tế	
163	Bùi Minh	Chí	20-04-1992	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
164	Lê Đức	Cường	20-03-1984	Thanh Hoá	Quản lý Kinh tế	
165	Nguyễn Chung	Cường	10-09-1978	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
166	Nguyễn Tăng	Cường	15-08-1988	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Kinh tế	
167	Mai Chánh	Đạt	07-11-1998	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
168	Nguyễn Tấn	Đạt	09-07-1985	Long An	Quản lý Kinh tế	
169	Trần Thị	Hà	28-10-1984	Nam Định	Quản lý Kinh tế	
170	Trần Thị	Hà	03-02-1985	Thái Bình	Quản lý Kinh tế	
171	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	26-06-1989	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
172	Nguyễn Huy	Hoàng	31-05-1993	Gia Lai	Quản lý Kinh tế	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
173	Trịnh Minh	Huy	15-12-1998	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
174	Nguyễn Văn	Ken	21-06-1985	Long An	Quản lý Kinh tế	
175	Bùi Thị Xuân	Khang	19-02-1983	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
176	Nguyễn Xuân	Khánh	14-09-1993	Bình Định	Quản lý Kinh tế	
177	Võ Đăng	Khoa	20-05-1993	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
178	Võ Hữu	Khoa	12-01-1999	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
179	Lê Quang	Lế	31-08-1987	Long An	Quản lý Kinh tế	
180	Nguyễn Thị Hồng	Liên	01-01-1987	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
181	Trần Thị Kim	Loan	10-10-1976	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
182	Phạm Hữu	Lộc	31-01-1973	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
183	Võ Thị Phương	Mai	23-05-1987	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
184	Trương Tuệ	Minh	20-07-1984	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
185	Đào Hữu	Nghĩa	02-04-1994	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
186	Nghiêm Thị Bích	Ngọc	08-01-1991	Hưng Yên	Quản lý Kinh tế	
187	Mai Thảo	Nguyên	30-11-1996	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
188	Nguyễn Vĩnh	Nguyên	22-09-1989	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
189	Trần Thị	Nguyệt	03-12-1984	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
190	Trương Tôn Minh	Nguyệt	28-05-1999	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
191	Võ Văn	Nhân	26-10-1990	Khánh Hoà	Quản lý Kinh tế	
192	Nguyễn Văn	Nhơn	10-12-1976	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
193	Võ Thị Huỳnh	Như	19-02-1993	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
194	Nguyễn Dương Tuyết Nhung		01-01-1989	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
195	Nguyễn Thị Hồng Nhung		24-11-1996	Phú Yên	Quản lý Kinh tế	
196	Trần Thị	Nhung	04-07-1977	Nghệ An	Quản lý Kinh tế	
197	Phan Hòa	Nông	10-06-1976	Long An	Quản lý Kinh tế	
198	Nguyễn Thị Ngọc	Phi	10-01-1984	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Kinh tế	
199	Đặng Thanh	Phong	24-08-1977	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Kinh tế	
200	Lê Trọng	Phúc	23-06-1976	Gia Lai	Quản lý Kinh tế	
201	Trần Thị Hữu	Phúc	01-07-1984	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
202	Võ Tấn	Phước	16-04-1994	Long An	Quản lý Kinh tế	
203	Nguyễn Thị Diễm	Phương	29-10-1988	Long An	Quản lý Kinh tế	
204	Võ Duy	Quốc	08-07-1978	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
205	Lê Thảo	Quyên	08-09-1994	Nghệ An	Quản lý Kinh tế	
206	Nguyễn Xuân Tổ	Quyên	30-03-1996	Đồng Nai	Quản lý Kinh tế	
207	Ngô Lâm	Quyên	26-12-1988	Long An	Quản lý Kinh tế	
208	Trương Văn	Sơn	29-11-1982	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
209	Lê Thị Thanh	Tâm	26-10-1988	Gia Lai	Quản lý Kinh tế	
210	Nguyễn Hà Minh	Tâm	28-10-1980	Đồng Nai	Quản lý Kinh tế	
211	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	19-02-1979	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
212	Phạm Lê	Tâm	11-01-1993	Gia Lai	Quản lý Kinh tế	
213	Huỳnh Tấn	Tấn	10-01-1993	Bình Thuận	Quản lý Kinh tế	
214	Âu Văn	Tây	24-04-1982	Long An	Quản lý Kinh tế	
215	Nguyễn Văn	Thắng	15-07-1982	Long An	Quản lý Kinh tế	
216	Lê Thị Kim	Thanh	10-10-1991	Bình Thuận	Quản lý Kinh tế	
217	Nguyễn Hữu	Thanh	10-07-1989	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
218	Võ Thị Thanh	Thanh	10-01-1999	Long An	Quản lý Kinh tế	
219	Nguyễn Minh	Thành	03-02-1979	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
220	Đinh Minh	Thảo	16-12-1984	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Kinh tế	
221	Nguyễn Văn	Thảo	10-04-1977	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
222	Vương Quang	Thoại	09-11-1982	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
223	Lê Thành	Thơm	05-05-1981	Tiền Giang	Quản lý Kinh tế	
224	Nguyễn Thị Diệu	Thu	23-01-1993	An Giang	Quản lý Kinh tế	
225	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14-04-1986	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
226	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	08-10-1983	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
227	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	29-06-1995	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
228	Võ Thị Hồng	Tiến	10-06-1991	Long An	Quản lý Kinh tế	
229	Hồ Văn	Tín	06-06-1996	Đồng Tháp	Quản lý Kinh tế	
230	Võ Ngọc	Tính	19-09-1986	Long An	Quản lý Kinh tế	
231	Ngô Văn	Trọng	18-08-1998	An Giang	Quản lý Kinh tế	
232	Nguyễn Thị	Út	04-06-1984	Long An	Quản lý Kinh tế	
233	Huỳnh Thảo	Uyên	27-12-1994	Bến Tre	Quản lý Kinh tế	
234	Nguyễn Hoàng Minh	Viễn	29-05-1990	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
235	Phạm Minh	Vũ	30-11-1976	Bình Thuận	Quản lý Kinh tế	
236	Trần Hồng Xuân	Vũ	06-05-1990	Ninh Thuận	Quản lý Kinh tế	
237	Nguyễn Thị Trường	An	03-09-1983	Long An	Thú Y	
238	Nguyễn Hoàng	Ân	26-12-1981	Long An	Thú Y	
239	Phạm Thị Cẩm	Bình	18-09-1984	Long An	Thú Y	
240	Trương Lập	Công	28-12-1980	Long An	Thú Y	
241	Phạm Tiến	Đạt	09-08-1995	Long An	Thú Y	
242	Lê Hiệp	Đoàn	02-03-1980	Long An	Thú Y	
243	Đặng Tuấn Anh	Dũng	07-10-1984	Long An	Thú Y	
244	Lê Văn Huy Tín	Em	04-09-1990	Đồng Tháp	Thú Y	
245	Nguyễn Quỳnh Thiện	Hào	23-01-1999	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
246	Võ Duy	Khang	31-07-1998	Tiền Giang	Thú Y	
247	Trần Minh	Khánh	01-01-1985	Long An	Thú Y	
248	Lê Thị Bích	Liễu	03-11-1990	Trà Vinh	Thú Y	
249	Nguyễn Nhật	Linh	08-08-1998	Long An	Thú Y	
250	Nguyễn Bảo	Lộc	01-01-1986	Vĩnh Long	Thú Y	
251	Nguyễn Nguyệt	Minh	13-11-1996	Tây Ninh	Thú Y	
252	Lê Hoài	Nam	28-08-1986	Tiền Giang	Thú Y	
253	Huỳnh Lê Thiên	Nga	07-02-1987	TP. Hồ Chí Minh	Thú Y	
254	Nguyễn Thành	Nhân	14-08-1990	Long An	Thú Y	
255	Trần Minh	Nhật	16-08-1996	Long An	Thú Y	
256	Nguyễn Văn	Sơn	30-12-1985	Long An	Thú Y	
257	Phan Mạnh	Tân	27-09-1991	Long An	Thú Y	
258	Nguyễn Hoàng	Tấn	03-10-1982	Long An	Thú Y	
259	Bùi Nguyễn Phương	Thanh	11-11-1984	Long An	Thú Y	
260	Văn Hoài	Thịnh	16-06-1993	Bình Định	Thú Y	
261	Trần Văn	Thống	25-06-1975	Long An	Thú Y	
262	Trần Đào Thanh	Thư	12-02-1994	Bình Định	Thú Y	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
263	Nguyễn Trí Thức	24-12-1990	Lâm Đồng	Thú Y	
264	Nguyễn Hoài Thương	08-01-1994	Đồng Nai	Thú Y	
265	Lê Thị Thu Thủy	04-10-1992	Đắk Lắk	Thú Y	
266	Trần Thanh Toàn	30-04-1995	Long An	Thú Y	
267	Trần Khánh Tú	20-04-1986	Long An	Thú Y	
268	Trần Thị Tuyền	26-03-1996	Phú Thọ	Thú Y	
269	Lâm Ánh Tuyết	01-01-1992	Vĩnh Long	Thú Y	
270	Nguyễn Thị Tường Vy	25-11-1996	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thú Y	

(Danh sách gồm 270 học viên)✓

